

QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN TƯ DUY CHIẾN LƯỢC ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỦA ĐẢNG TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

Đinh Ngọc Quyên¹ và Phạm Văn Búa¹

ABSTRACT

This paper aims to elaborate the development in the Vietnamese Communist Party's awareness of the strategy of great national unity in the cause of national renovation from the sixth Session (12/1986) to the tenth Session (4/2006). The main focus of the article is also on the conference resolutions: "The Resolution 8B on the reformation of the Party's public tasks and the reinforcement of the Party's ever-lasting relations with people", the seventh Conference Resolution of the seventh Session (4/1993), the seventh Conference Resolution of the ninth Session (1/2003), and the seventh Conference Resolution of the tenth Session (8/2008). On that basis, the writer wishes to reconfirm the great achievements of the Party and point out some of the drawbacks to be resolved so as to effectively put into practice the actual fact of the Party's great national unity in the modern times.

Keywords: Block of great national unity, renovate

Title: The development in the Vietnamese Communist Party's awareness of the strategy of great national unity in the cause of national renovation

TÓM TẮT

Bài viết tập trung làm rõ sự phát triển trong nhận thức của Đảng về chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp đổi mới từ Đại hội VI (12/1986) đến Đại hội X (4/2006). Đặc biệt là những Hội nghị chuyên đề như: Nghị quyết 8B về "Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân", Nghị quyết 07 khóa VII (11-1993), Hội nghị lần thứ bảy Khóa IX (01- 2003) của Đảng, Hội nghị lần thứ bảy Khóa X (8-2008). Trên cơ sở đó, khẳng định những thành tựu, hạn chế và rút ra kinh nghiệm nhằm thực hiện có hiệu quả hơn chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Đảng trong sự nghiệp đổi mới.

Từ khóa : Đại đoàn kết dân tộc, đổi mới

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Đoàn kết là truyền thống quý báu của dân tộc ta trong lịch sử dựng nước và giữ nước. Kế thừa và phát huy truyền thống đó, từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta luôn coi trọng và không ngừng củng cố khối đại đoàn kết dân tộc lãnh đạo nhân dân ta giành được những thắng lợi vĩ đại trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại đoàn kết dân tộc là bài học lớn của cách mạng Việt Nam đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tổng kết: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công".

Tuy nhiên, sau khi Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, các thế lực thù địch đang tìm mọi cách phá hoại mục tiêu Xã hội chủ nghĩa của Việt Nam

¹ Khoa Khoa học Chính trị, Trường Đại học Cần Thơ

bằng chiến lược “diễn biến hoà bình”. Chúng nhằm vào các vấn đề dân tộc, tôn giáo, vấn đề dân sinh, dân quyền, dân chủ để kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Mặt khác, đường lối đổi mới toàn diện của Đảng đã thu được những thành tựu rất quan trọng làm tăng thêm niềm tin trong nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng nhưng cũng nảy sinh nhiều nguy cơ và nhiều vấn đề mới: tham nhũng, buôn lậu, làm giàu phi pháp, xa hoa, lãng phí, suy thoái về đạo đức, phân hoá giàu nghèo,... làm suy yếu khối đại đoàn kết dân tộc từ bên trong.

Vì thế làm rõ chính sách của Đảng về chiến lược đoàn kết dân tộc nhất là những chính sách đối với các giai tầng xã hội là nhu cầu bức thiết để góp phần củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

2 NỘI DUNG

Đại hội VI của Đảng (12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện. Đặc biệt, đại hội vạch ra những phương hướng cơ bản cho các chính sách kinh tế - xã hội có ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Về nguyên nhân của những tồn tại trong xã hội Việt Nam, trong nguyên nhân chủ quan, có những nguyên nhân ảnh hưởng không nhỏ đến việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân, nhất là việc cải tạo Xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi Xã hội chủ nghĩa tỏ ra nóng vội, đơn giản, buông lỏng. Trong 4 bài học kinh nghiệm Đại hội rút ra đều liên quan đến chính sách đoàn kết dân tộc. *Một là*, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”, chăm lo xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. *Hai là*, Đảng phải luôn xuất phát từ thực tế, phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. *Ba là*, phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. *Bốn là*, phải xây dựng Đảng ngang tầm chính trị của Đảng cầm quyền đang lãnh đạo nhân dân xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Đại hội chủ trương đổi mới toàn diện và sâu sắc trên tất cả các mặt mà trọng tâm là trong lĩnh vực kinh tế. Đại hội xác định: “Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo”⁽¹⁾. Các mục tiêu trên cũng nhằm ổn định đời sống của nhân dân, tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết dân tộc.

Để thực hiện mục tiêu trên, Đại hội đề ra một hệ thống giải pháp kinh tế - xã hội nhằm huy động, khai thác sức mạnh toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng đất nước. Đó là: Trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên, phải tập trung sức người, sức của vào việc thực hiện cho được 3 chương trình mục tiêu (3 chương trình kinh tế lớn) về lương thực, thực phẩm - hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế, tư tưởng cốt lõi là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi tiềm năng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của quốc tế để phát triển sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất. Có kế hoạch xây dựng cơ cấu giai cấp của xã hội mới, “cụ thể hóa và thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng”. Thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần, coi trọng lợi ích chính đáng

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.42

của người lao động nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc. Điều quan trọng là Đại hội VI nhấn mạnh đến việc thực hiện khẩu hiệu “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, thực hiện dân chủ hóa trong Đảng và trong xã hội, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là điều kiện tất yếu đảm bảo huy động lực lượng của quần chúng.

Có thể nói, Đại hội VI đã đặt nền tảng cho việc hình thành con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam, mở đường cho việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc phù hợp với điều kiện lịch sử mới. Để đưa Nghị quyết Đại hội VI của Đảng vào cuộc sống, Đảng và Nhà nước đã ra nhiều Nghị quyết, chỉ thị vừa tập trung giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội giữ vững ổn định chính trị, vừa thực hiện đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc nhằm thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới. Xuất phát từ tình hình thế giới và đất nước có nhiều biến động lớn, Hội nghị lần thứ 8 khóa VI của Đảng (3-1990) ra Nghị quyết về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân” (Nghị quyết 8B). Nghị quyết nhận định: “Mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân vô cùng quan trọng, có quan hệ đến vận mệnh chính trị của Đảng và sự sống còn của cách mạng nước ta”.

Để đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng nhân, Nghị quyết nêu lên 4 quan điểm chỉ đạo công tác quần chúng của Đảng: *Một là*, cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân. Cần tiếp tục phát huy khả năng to lớn của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh cộng đồng dân tộc, phấn đấu xây dựng nước Việt Nam Xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân. Nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc là giai cấp công nhân, nhân dân lao động và trí thức Xã hội chủ nghĩa. *Hai là*, động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân. Công tác vận động và tổ chức nhân dân chỉ có thể thành công nếu trước hết bảo vệ và đáp ứng được trên thực tế lợi ích thiết thân của người dân, từ đó kết hợp hài hòa các lợi ích, gắn chặt quyền lợi và nghĩa vụ công dân. *Ba là*, các hình thức tập hợp nhân dân phải đa dạng. Cùng với các đoàn thể chính trị - xã hội, trong giai đoạn mới cần thành lập những tổ chức quần chúng đáp ứng nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời sống của nhân dân, hoạt động theo hướng ích nước lợi nhà, tương thân, tương ái... *Bốn là*, công tác quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể. Nghị quyết 8B đánh dấu bước chuyển rất quan trọng của Đảng về công tác vận động quần chúng, tạo ra cơ sở cho việc tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, cho việc củng cố khối đại đoàn kết dân tộc trong tình hình mới.

Đại hội VII của Đảng (6-1991) tiếp tục bổ sung, phát triển đường lối đổi mới trong tình hình thế giới nhiều biến động. Về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, Đại hội khẳng định, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò rất quan trọng, Nhà nước cần thể chế hóa quyền hạn và trách nhiệm của Mặt trận trong việc tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Điểm mới trong nhận thức của Đảng ta là Đại hội chủ trương: “Đối với những công dân đã tham gia chính quyền và quân đội dưới các chế độ cũ, Đảng, Nhà nước và xã hội ta đánh giá căn cứ vào thái độ và việc làm

của họ trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước ngày nay; xoá bỏ mọi thành kiến, tạo điều kiện để họ đóng góp tài năng và sức lực vào sự nghiệp dân giàu, nước mạnh”⁽¹⁾. Đại hội đã thông qua “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội*”. Cương lĩnh đã nêu ra quan niệm về Chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng. Đó là xã hội có 6 đặc trưng, sáu đặc trưng ấy đã thể hiện mạnh mẽ chủ trương xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Đảng.

Đại hội rút ra những bài học lớn, trong đó có hai bài học “Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”, “Không ngừng củng cố đoàn kết toàn dân”,... Đã thể hiện chủ trương khơi dậy và phát huy cao nhất sức mạnh của dân tộc.

Phát triển tư tưởng đại đoàn kết dân tộc đã nêu ra trong các nghị quyết đại hội và hội nghị Trung ương của Đảng, ngày 17-11-1993, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 07 NQ-TW về “Đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất”. Nghị quyết khẳng định: “Đất nước ta đang đứng trước những thời cơ mới và những thách thức mới. Để tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, làm thất bại âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, chúng ta phải ra sức củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố, mở rộng MTDTTN” và phải “Thực hiện đại đoàn kết toàn dân ở tầm cao mới và chiều sâu mới, tạo ra động lực mạnh mẽ trong sự phát triển của lịch sử dân tộc”.

Để hoàn thành nhiệm vụ nêu trên, Nghị quyết đã nêu 4 quan điểm chỉ đạo lớn trong việc thực hiện chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay:

Một là, đại đoàn kết dân tộc là đoàn kết mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, bao gồm các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người trong nước và người định cư ở nước ngoài nhằm mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ. Đại đoàn kết phải lấy mục tiêu chung đó làm điểm tương đồng; đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích chung, cùng nhau xoá bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai, xây dựng tinh thần đoàn kết cởi mở, tin cậy lẫn nhau, tất cả vì độc lập của Tổ quốc, vì tự do, hạnh phúc của nhân dân.

Hai là, thực hiện đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Đại đoàn kết dân tộc là đường lối cơ bản của Đảng và Nhà nước ta. Tư tưởng đại đoàn kết phải được thể hiện trong mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, nhằm đáp ứng lợi ích, nguyện vọng chính đáng của các giai tầng xã hội như: Chính sách ruộng đất đối với nông dân; giải quyết việc làm, tiền lương đối với công nhân; chính sách bảo vệ lợi ích hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động thuộc các thành phần kinh tế; chính sách đào tạo trí thức, trọng dụng nhân tài; chính sách đối với các lực lượng vũ trang, với thương binh, liệt sỹ, với người có công với nước, với phụ nữ, với thế hệ trẻ, v.v...

Ba là, xây dựng chính quyền nhân dân trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực cao thật sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đặc biệt chính quyền có trách nhiệm rất

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.78

lớn trong việc ban hành các chính sách và thực thi luật pháp để tăng cường đại đoàn kết dân tộc.

Bốn là, phải linh hoạt, sáng tạo trong công tác vận động quần chúng, chú ý đến từng thành phần xã hội. “Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc bằng các hình thức tập hợp đa dạng. Tổ chức và phát triển các phong trào quần chúng từ thấp đến cao, sáng tạo thêm nhiều hình thức hoạt động phù hợp với từng thành phần xã hội. Tùy theo tình hình, nhiệm vụ và theo yêu cầu của quần chúng cần tập hợp, đoàn kết các tầng lớp nhân dân trong nhiều hình thức tổ chức chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghề nghiệp nhân đạo, từ thiện,...” thích hợp với từng giới, từng thành phần xã hội, từng địa phương cơ sở. Cần thu hút đông đảo những người ngoài Đảng vào các tổ chức cần có một số cán bộ, đảng viên nhất định có năng lực và phẩm chất đạo đức tốt được quần chúng tín nhiệm để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Phải “phát huy vai trò tích cực của những người tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo. Hướng hoạt động tới địa bàn dân cư xã phường và hộ gia đình. Cùng cố liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, thực sự làm nền tảng cho khối đại đoàn kết toàn dân”⁽¹⁾.

Nghị quyết 07 của Bộ chính trị đã đề cập toàn diện, sâu sắc những nội dung cốt lõi nhất của chiến lược đại đoàn kết dân tộc, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng ta về xây dựng, tập hợp lực lượng cách mạng, tranh thủ mọi khả năng có thể tranh thủ được để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với nhận thức đúng đắn, Nghị quyết 07-NQ-TW đã thể hiện ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta, là tiếng kèn khơi dậy truyền thống đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ đổi mới đất nước.

Hội nghị toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng vào tháng 01-1994 đã phân tích thời cơ, đánh giá tổng quát tình hình đất nước và khẳng định, công nghiệp hóa - hiện đại hóa là sự nghiệp đoàn kết của toàn dân. Dựa vào đường lối chung, Đảng đã mở nhiều hội nghị và đề ra nghị quyết đối với các giai cấp, các tầng lớp xã hội. Tháng 8 năm 1994, Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam IV đã quán triệt toàn bộ những quan điểm của Đảng về chiến lược đại đoàn kết dân tộc.

Đại hội VIII của Đảng (6-1996) tiếp tục khẳng định vị trí, tầm quan trọng của chiến lược đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ mới. Sau khi đánh giá những thành tựu, hạn chế qua 10 năm đổi mới, đại hội rút ra 6 bài học kinh nghiệm cần tiếp tục quán triệt, trong đó có bài học: “Mở rộng và tăng cường đại đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, động viên sức mạnh của cả dân tộc, nỗ lực phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”. Đại hội đã đặt vấn đề đại đoàn kết dân tộc ở tầm cao mới và chiều sâu mới, nhằm phát huy sức mạnh của toàn dân trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Đại hội chủ trương: “Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng. Đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi người trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay định cư ở nước ngoài, phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc, truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc vì mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, tiến lên dân giàu,

(1) Nghị quyết 07/NQ-TW (khoá VII), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.2-3

nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, lấy mục tiêu đó làm điểm tương đồng, đồng thời chấp nhận những điểm khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc, cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hướng tới tương lai, xây dựng tinh thần đại đoàn kết, cởi mở, tin cậy lẫn nhau”⁽¹⁾.

Các Hội nghị sau đó đã cụ thể hóa chủ trương của Đại hội VIII về đại đoàn kết dân tộc. Ngày 26-6-1999, lần đầu tiên Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được ban hành, trong đó khẳng định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nơi hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động của các thành viên, góp phần giữ vững độc lập dân tộc, chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Có thể nói, đây thật sự là bước phát triển mới trong nhận thức của Đảng về đại đoàn kết để chuẩn bị đưa đất nước tiến vào thế kỷ XXI.

Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, được xác định “Là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và là động lực chủ yếu để phát huy đại đoàn kết dân tộc” - Quan điểm cơ bản quán triệt trong toàn bộ các văn kiện của đại hội IX (4-2001). Đại hội chủ trương đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, xem “Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội”. Đại hội khẳng định: “Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo, giai cấp, tầng lớp, các thành phần kinh tế, mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và ngoài Đảng, người đang công tác và người nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống trong nước hay ở nước ngoài,... lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai,...”⁽²⁾.

Cụ thể hóa những nội dung cơ bản của đại hội IX về chiến lược đại đoàn kết dân tộc, từ ngày 13 đến ngày 21-01-2003, Ban chấp hành Trung Ương Đảng đã tiến hành Hội nghị lần thứ bảy. Đây là hội nghị chuyên đề đầu tiên của Đảng ta đối với vấn đề xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Hội nghị nêu 4 quan điểm chỉ đạo:

Một là, đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Hai là, đại đoàn kết dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xóa bỏ định kiến, mặc cảm, phân biệt đối xử về quá khứ, thành

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.122

(2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.124

phần giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.

Ba là, bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; kết hợp hài hoà lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích toàn xã hội; thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước; xem đó là những động lực củng cố và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bốn là, đại đoàn kết là sự nghiệp của cả dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức Đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức. Trong đó, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, vấn đề quan trọng là hội nghị đã xây dựng những định hướng, chính sách đúng đắn, bảo đảm lợi ích của các giai tầng. Hội nghị nêu lên 3 định hướng chính sách chung và những định hướng chính sách cụ thể đối với từng giai cấp và tầng lớp trong xã hội. Trong các biện pháp để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, Hội nghị nêu lên giải pháp “Phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền Nhà nước trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc”. Trong đó, Hội nghị đã nêu ra luận điểm rất mới, đảm bảo huy động sức mạnh toàn dân và phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Đó là: “Đối với những vấn đề lớn và đặc biệt quan trọng của đất nước, cần có những hình thức thích hợp để nhân dân tham gia ý kiến. Trước khi ban hành những chủ trương, chính sách quan trọng, cần tổ chức chu đáo, thiết thực việc lấy ý kiến các tầng lớp nhân dân có liên quan, bảo đảm để nhân dân có thể thẳng thắn bày tỏ được ý kiến đóng góp. Khuyến khích trao đổi, tranh luận với tinh thần xây dựng về những vấn đề có ý kiến khác nhau, tránh chụm mũ, áp đặt. Đồng thời, Nhà nước chăm lo, đào tạo, bồi dưỡng chính trị, nghiệp vụ, giáo dục đạo đức cho cán bộ cơ quan các cấp, giáo dục cán bộ, công chức xây dựng và thực hành phong cách “*trọng dân, gần dân, hiểu dân và có trách nhiệm với dân*”, “*nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*”,...

Có thể nói rằng, chủ trương của Đảng từ Hội nghị Trung ương 8 Khóa VI đến Hội nghị Trung ương 7 Khóa IX là quá trình không ngừng phát triển, hoàn chỉnh chiến lược đại đoàn kết dân tộc của Đảng, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa cả đất nước. Những chủ trương trên đã đáp ứng được nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta, thể hiện ý chí và nguyện vọng của “*những người con xa xứ*”, của đồng bào có đạo muốn sống “*tốt đời, đẹp đạo*”, của những người làm đường, lạc lối nay muốn bù đắp cho Tổ quốc,... tất cả cùng đoàn kết một lòng phấn đấu vì sự nghiệp của Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đại hội X của Đảng (4-2006), tổng kết 20 năm đổi mới đã khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược nhất quán của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Thực hiện đại đoàn kết dân tộc là quyết tâm không gì lay chuyển nổi của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Đại hội chủ trương: Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì

dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xóa bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp. Tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc. Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội. Đại hội X tiếp tục phát triển quan điểm của Đại hội IX, xem đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức Đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Đồng thời Đại hội tiếp tục nêu ra những chính sách cụ thể đối với các giai cấp, tầng lớp trong xã hội. Tiếp theo đó, Hội nghị Trung ương 7 Khóa X (8-2008) đã thông qua Nghị quyết quan trọng về nông nghiệp, nông dân và nông thôn; về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với thanh niên và về vấn đề trí thức. Có thể nói, ba Nghị quyết trong một Hội nghị đều quy về một vấn đề là đoàn kết đã thể hiện sự nỗ lực và quan tâm của Đảng đối với việc phát huy nội lực để tranh thủ ngoại lực.

3 KẾT QUẢ VÀ KINH NGHIỆM

3.1 Kết quả

3.1.1 Thành tựu

Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều Nghị Quyết, chỉ thị, chính sách, Luật v.v... đối với chiến lược đại đoàn kết dân tộc, đặc biệt là những chính sách cụ thể đối với các giai cấp, tầng lớp xã hội. Qua quá trình thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách đó của Đảng và Nhà nước, nhân dân ngày càng phát huy được quyền làm chủ của mình. Nhà nước đã thực hiện có kết quả và được lòng dân nhiều chính sách, chương trình dự án về phát triển kinh tế, văn hoá, giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, xã hội hoá sự nghiệp giáo dục, y tế, dân số, kế hoạch hoá gia đình và các vấn đề xã hội khác. Quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, xã hội từng bước được thể chế hoá. Việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được triển khai. Việc tiếp xúc với cử tri, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được chú ý hơn. Chương trình cải cách được tiến hành, bước đầu đạt được một số kết quả tích cực. Xã hội được ổn định về chính trị, kinh tế tăng trưởng, an ninh quốc phòng được tăng cường trong tình hình thế giới đầy biến động. Đảng ta khẳng định: “Nhìn chung khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân đội ngũ trí thức được mở rộng hơn, là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước”⁽¹⁾.

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Đảng (khoá IX), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.16

3.1.2 Hạn chế

Nhân dân lo lắng trước nạn tham nhũng, tiêu cực ngày càng nghiêm trọng, bất bình về dân chủ và công bằng xã hội bị vi phạm, kỷ cương phép nước không nghiêm, ít tin tưởng vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu để làm trong sạch Đảng, bộ máy chính quyền, làm lành mạnh xã hội. Tâm trạng chính trị của các tầng lớp nhân dân có xu hướng tốt lên nhưng còn diễn biến phức tạp, còn chưa an tâm về mọi mặt. Các bậc cha mẹ lo lắng về đạo đức và sự học hành của con em. Đồng bào vùng dân tộc còn mặc cảm. Tín đồ tôn giáo mặc cảm chưa được tin cậy vì một số địa phương còn gây nhiều khó dễ cho các hoạt động tôn giáo bình thường. Công nhân đời sống cũng khó khăn, nông dân chưa yên tâm về quyền sử dụng đất, thắc mắc về sự chênh lệch quá mức giữa giá nông sản và giá hàng công nghiệp, lo lắng về việc tiêu thụ sản phẩm. Trí thức thiếu đồng tình về chính sách bồi dưỡng, sử dụng chất xám, một số dao động, thiếu niềm tin, có người tỏ quan điểm khác với đường lối của Đảng. Các nhà doanh nghiệp tư nhân thắc mắc về chính sách thuế chưa ổn định, nhiều chông chéo, họ mong muốn được đối xử bình đẳng thực sự và tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh. Công nhân, thanh niên, phụ nữ lo lắng nhiều về việc làm,...

Nguyên nhân của những tồn tại, yếu kém

- *Thứ nhất*, xét về khách quan, các thế lực thù địch ra sức phá hoại khối đoàn kết của nhân dân ta, luôn kích động những vấn đề “dân chủ, nhân quyền”, những vấn đề nhạy cảm như dân tộc, tôn giáo để gây ly gián, chia rẽ nội bộ Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Chia rẽ mối quan hệ máu thịt giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân; Nhà nước với nhân dân.
- *Thứ hai*, việc phân tích và dự báo những biến đổi cơ cấu giai cấp - xã hội và những mâu thuẫn mới nảy sinh trong nhân dân của Đảng ta chưa đầy đủ.
- *Thứ ba*, một số chủ trương, chính sách của Nhà nước trong quá trình thực hiện còn nhiều thiếu sót.
- *Thứ tư*, hoạt động của mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn hình thức và nặng về hành chính, không sát dân.
- *Thứ năm*, sự suy thoái về lối sống và đạo đức xã hội của một bộ phận cán bộ; lối sống thực dụng, chạy theo đồng tiền làm xói mòn tình làng, nghĩa xóm của một bộ phận dân cư. Ý thức công dân, ý thức chấp hành kỷ cương, chính sách, pháp luật của một bộ phận nhân dân còn yếu.

3.2 Kinh nghiệm qua quá trình xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Đảng

Để thực hiện thành công hơn nữa chiến lược đại đoàn kết dân tộc, trong thời gian tới Đảng cần phải quán triệt các kinh nghiệm sau:

- Một, phải quán triệt quan điểm: “Đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam”.
- Hai, để tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc trong thời kỳ đổi mới Đảng, Nhà nước phải có đường lối đúng, có chính sách phù hợp đối với các mối quan hệ xã hội và các giai tầng xã hội.
- Ba, để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phải đảm bảo phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân, đẩy mạnh công tác dân vận.
- Bốn, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong hệ thống chính trị gắn liền với xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm với nhiệm vụ mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1989), Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6 (khoá VI), Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), Một số văn kiện của Đảng về phát triển nông nghiệp, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (17-11-1993), Nghị quyết 07/NQ-TW (khoá VII), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (khoá VII), Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1995), Văn kiện Hội nghị đại biểu lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2003), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 của Đảng (khoá IX), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.